

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình số: 423/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Số 17 đường C, tổ 36, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng;

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Xuân D**, sinh năm 1975; Nơi đăng ký thường trú: Tổ 36 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: Số 61 đường H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 08 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Xuân D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Xuân D thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Xuân D về việc nuôi dưỡng con chung như sau: Giao con chung tên Nguyễn Xuân P, sinh ngày 29/9/2010 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Nguyễn Xuân D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Xuân P mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 06 hàng tháng. Riêng con chung tên Nguyễn Thị Hương D, sinh năm 2001 đã đủ 18 tuổi, cháu ở với ai là do cháu quyết định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Xuân D không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung như đã thỏa thuận thì hàng tháng ông D còn phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại điều 357 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Xuân D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Xuân D xác định không có.

- *Về án phí*: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0008568 ngày 11/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng. Như vậy bà T đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường H, quận H, TP Đà Nẵng (Số 174, quyền số 1/99, ngày 30/12/1999);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Văn Cường

